

**NỘI VỤ - LAO ĐỘNG - THƯƠNG
BINH VÀ XÃ HỘI - TÀI CHÍNH**

**THÔNG TƯ liên tịch số 10/2005/
TTLT-BNV-BLĐTBXH-BTC
ngày 05/01/2005 hướng dẫn
thực hiện chế độ phụ cấp thu
hút.**

Thi hành Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang và Nghị định số 205/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ quy định hệ thống thang lương, bảng lương và chế độ phụ cấp lương trong các công ty nhà nước; sau khi trao đổi ý kiến với các Bộ, ngành liên quan, liên tịch Bộ Nội vụ, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp thu hút như sau:

**I. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG VÀ
ĐIỀU KIỆN ÁP DỤNG**

1. Phạm vi và đối tượng áp dụng:

a) Cán bộ, công chức (kể cả công chức dự bị), viên chức, những người đang trong thời gian tập sự, thử việc và lao động hợp đồng đã được xếp lương theo bảng lương do Nhà nước quy định làm việc trong các cơ quan nhà nước và các

đơn vị sự nghiệp của Nhà nước được cấp có thẩm quyền quyết định thành lập.

b) Cán bộ chuyên trách và công chức ở xã, phường, thị trấn.

c) Những người làm việc trong các công ty hoạt động theo Luật Doanh nghiệp nhà nước, Quỹ Hỗ trợ phát triển và Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, gồm:

Thành viên chuyên trách Hội đồng quản trị; thành viên Ban kiểm soát;

Tổng giám đốc, Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng (không kể Tổng giám đốc, Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng làm việc theo hợp đồng);

Công nhân, nhân viên trực tiếp sản xuất, kinh doanh; viên chức chuyên môn, nghiệp vụ và nhân viên thừa hành, phục vụ làm việc theo chế độ hợp đồng lao động quy định tại Nghị định số 44/2003/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ Luật Lao động về hợp đồng lao động.

2. Điều kiện áp dụng:

Các đối tượng nêu tại điểm 1 mục I Thông tư này được hưởng phụ cấp thu hút khi mới đến làm việc ở vùng kinh tế mới, cơ sở kinh tế và đảo xa đất liền có điều kiện sinh hoạt đặc biệt khó khăn như xa xôi, hẻo lánh, xa khu dân cư; chưa có mạng lưới giao thông, đi lại khó khăn; chưa có hệ thống cung cấp điện, nước sinh hoạt; nhà ở thiếu thốn; chưa có trường học, nhà trẻ, bệnh viện.

II. MỨC PHỤ CẤP VÀ CÁCH TÍNH TRẢ

1. Mức và thời gian hưởng phụ cấp:

a) Phụ cấp thu hút gồm 4 mức: 20%, 30%, 50% và 70% so với mức lương hiện hưởng (theo ngạch, bậc, chức vụ, chuyên môn, nghiệp vụ) cộng với phụ cấp chức vụ lãnh đạo và phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có).

b) Thời gian hưởng phụ cấp thu hút được xác định trong khung thời gian từ 3

năm đến 5 năm đầu khi các đối tượng quy định tại điểm 1 Mục I Thông tư này đến làm việc ở nơi được hưởng phụ cấp thu hút.

c) Mức phụ cấp và thời gian hưởng phụ cấp thu hút tùy thuộc vào thực tế điều kiện sinh hoạt khó khăn dài hay ngắn của từng vùng kinh tế mới, cơ sở kinh tế và đảo xa đất liền.

2. Cách tính phụ cấp:

Mức tiền phụ cấp thu hút được tính theo công thức sau:

$$\left(\begin{array}{c} \text{Mức tiền phụ} \\ \text{cấp thu hút} \end{array} \right) = \left(\begin{array}{c} \text{Mức lương hiện hưởng cộng với phụ} \\ \text{cấp chức vụ lãnh đạo và phụ cấp} \\ \text{thâm niên vượt khung (nếu có)} \end{array} \right) \times \left(\begin{array}{c} \text{Tỷ lệ \% phụ} \\ \text{cấp được} \\ \text{hưởng} \end{array} \right)$$

3. Cách trả phụ cấp:

a) Phụ cấp thu hút được trả cùng kỳ lương hàng tháng và không dùng để tính đóng, hưởng chế độ bảo hiểm xã hội.

b) Nguồn kinh phí chi trả phụ cấp thu hút:

b1) Đối với các cơ quan, đơn vị được ngân sách nhà nước bảo đảm toàn bộ, phụ cấp thu hút do ngân sách nhà nước bảo đảm theo phân cấp ngân sách hiện hành trong dự toán ngân sách được giao hàng năm cho cơ quan, đơn vị.

b2) Đối với cơ quan thực hiện khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính và đơn vị sự nghiệp thực hiện tự chủ tài chính, phụ cấp thu hút do cơ quan, đơn vị

chi trả từ nguồn kinh phí khoán và nguồn tài chính được giao tự chủ.

b3) Đối với các công ty nhà nước, phụ cấp thu hút được tính vào đơn giá tiền lương và hạch toán vào giá thành hoặc chi phí kinh doanh.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ (sau đây gọi chung là Thủ trưởng Bộ, ngành Trung ương), Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và đại diện chủ sở hữu công ty nhà nước căn cứ vào điều kiện áp dụng phụ cấp thu hút quy định

tại Thông tư này và thực tế vùng kinh tế mới, cơ sở kinh tế, đảo xa đất liền thuộc phạm vi quản lý, đề nghị Liên Bộ xem xét quyết định phụ cấp thu hút.

Hồ sơ đề nghị áp dụng phụ cấp thu hút, gồm:

a) Công văn đề nghị của Thủ trưởng Bộ, ngành Trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và đại diện chủ sở hữu công ty nhà nước.

b) Thuyết minh điều kiện xác định phụ cấp thu hút, đề nghị mức phụ cấp thu hút và thời gian áp dụng phụ cấp thu hút.

c) Dự tính số đối tượng và quỹ chi trả phụ cấp thu hút, trong đó tính riêng phần thuộc ngân sách nhà nước chi trả (nếu có).

2. Căn cứ đề nghị của Thủ trưởng Bộ, ngành Trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và đại diện chủ sở hữu công ty nhà nước, Liên Bộ có văn bản thỏa thuận áp dụng phụ cấp thu hút theo phân cấp như sau:

a) Đối với cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp của Nhà nước, Bộ Nội vụ chủ trì phối hợp với Bộ Tài chính xem xét, giải quyết.

b) Đối với các đối tượng trong các công ty nhà nước, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp với Bộ Tài chính xem xét, giải quyết.

3. Sau khi có ý kiến của Liên Bộ, Thủ trưởng Bộ, ngành Trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và đại diện chủ sở hữu công ty nhà nước hướng dẫn các đơn vị có đối tượng được hưởng phụ cấp thu hút thuộc phạm vi quản lý thực hiện.

IV. HIỆU LỰC THI HÀNH

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Bãi bỏ Thông tư số 16/LĐTBXH-TT ngày 02 tháng 6 năm 1993 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp thu hút.

2. Chế độ phụ cấp thu hút quy định tại Thông tư này được tính hưởng kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2004.

Các trường hợp đã được cơ quan có thẩm quyền thỏa thuận áp dụng phụ cấp thu hút đang còn hiệu lực, thì tiếp tục hưởng cho đến khi hết thời hạn đã được thỏa thuận, nhưng mức phụ cấp thu hút được hưởng kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2004 được tính lại theo quy định tại Thông tư này; các Bộ, ngành, địa phương có trách nhiệm tổng hợp báo cáo về Liên Bộ để theo dõi và quản lý.

3. Cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong các cơ quan, đơn vị sự nghiệp của Đảng, Mặt trận và các đoàn thể, thực hiện chế độ phụ cấp thu hút theo hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng

mắc, các Bộ, ngành, địa phương phản ánh về liên Bộ để nghiên cứu, giải quyết./.

BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

Đỗ Quang Trung

**BỘ TRƯỞNG BỘ LAO ĐỘNG -
THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**

Nguyễn Thị Hằng

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Nguyễn Sinh Hùng

**NỘI VỤ - LAO ĐỘNG - THƯƠNG
BINH VÀ XÃ HỘI - TÀI CHÍNH -
ỦY BAN DÂN TỘC**

**THÔNG TƯ liên tịch số 11/2005/
TTLT-BNV-BLĐTBXH-BTC-
UBDT ngày 05/01/2005 hướng
dẫn thực hiện chế độ phụ cấp
khu vực.**

Thi hành Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang và Nghị định số 205/2004/NĐ-CP

ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ quy định hệ thống thang lương, bảng lương và chế độ phụ cấp lương trong các công ty nhà nước, liên tịch Bộ Nội vụ, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính, Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp khu vực như sau:

I. PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

1. Cán bộ, công chức (kể cả công chức dự bị), viên chức, những người đang trong thời gian tập sự, thử việc và lao động hợp đồng đã được xếp lương theo bảng lương do Nhà nước quy định làm việc trong các cơ quan nhà nước và các đơn vị sự nghiệp của Nhà nước được cấp có thẩm quyền quyết định thành lập.

2. Cán bộ chuyên trách và công chức ở xã, phường, thị trấn.

3. Cán bộ, công chức, viên chức thuộc biên chế nhà nước và hưởng lương theo bảng lương do Nhà nước quy định được cử đến làm việc tại các hội, các tổ chức phi Chính phủ, các dự án và các cơ quan, tổ chức quốc tế đặt tại Việt Nam.

4. Người làm công tác cơ yếu trong tổ chức cơ yếu.

5. Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, chiến sĩ, công nhân trong các cơ quan, đơn vị thuộc quân đội nhân dân và công an nhân dân.

6. Những người làm việc trong các công ty hoạt động theo Luật Doanh nghiệp